

Số: 57/2023/QĐ-UBND

Long An, ngày 22 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định khung số lượng, tiêu chuẩn đối với
cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20/11/2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4356/TTr-SNV ngày 20/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khung số lượng, tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hướng dẫn triển khai thực hiện và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.


Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An và Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 3 Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND; bãi bỏ Chương II Quy định về phân cấp quản lý công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các đoàn thể tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Phòng THKSTTHC;
- Lưu: VT, DK. (6)



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH

Khung số lượng, tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An
(Kèm theo Quyết định số 57 /2023/QĐ-UBND ngày 22 /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về khung số lượng, tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 4 và Điều 61 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).
2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

**Chương II
QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG, TIÊU CHUẨN,
BỐ TRÍ KIỂM NHIỆM CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

Điều 3. Khung số lượng cán bộ, công chức cấp xã

1. Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã, UBND cấp huyện quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức ở từng đơn vị hành chính cấp xã và bố trí số lượng công chức từng chức danh công chức cấp xã thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng đơn vị hành chính cấp xã.

2. Khung số lượng chức vụ cán bộ cấp xã:

a) Bố trí khung số lượng chức vụ cán bộ cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Đơn vị tính: người

T	Chức vụ	Cấp xã loại 1 (12 người)	Cấp xã loại 2 (11 người)	Cấp xã loại 3 (10 người)
1	Bí thư Đảng ủy	01	01	01

2	Phó Bí thư Đảng ủy	01	01	01
3	Chủ tịch HĐND	Chức danh khác kiêm nhiệm	Chức danh khác đảm nhiệm	Chức danh khác đảm nhiệm
4	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	01
5	Chủ tịch UBND	01	01	01
6	Phó Chủ tịch UBND	02	02	01
7	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	01	01	01
8	Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	01	01	01
9	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	01	01	01
10	Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam	01	01	01
11	Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh Việt Nam	01	01	01

b) Bố trí chức vụ Chủ tịch HĐND cấp xã:

Tùy tình hình thực tế ở địa phương và năng lực của cán bộ, UBND cấp huyện xem xét, quyết định bố trí chức vụ Bí thư hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm hoặc đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐND cấp xã theo khung số lượng chức vụ cán bộ cấp xã quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này. Đối với cấp xã loại 1, cán bộ cấp xã kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐND cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

c) Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã không có tổ chức Hội Nông dân thì UBND cấp huyện xem xét, quyết định bố trí tăng thêm 01 chức danh công chức cấp xã theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Khung số lượng chức danh công chức cấp xã:

a) Bố trí khung số lượng chức danh công chức theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã như sau:

- Đối với phường:

Đơn vị tính: người

TT	Chức danh	Loại 1 (11 người)	Loại 2 (10 người)	Loại 3 (09 người)
1	Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự	01	01	01
2	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	02	02	02
3	Văn hóa - xã hội	02	02	02
4	Văn phòng - thống kê	02	02	02
5	Tư pháp - hộ tịch	02	02	01
6	Tài chính - kế toán	02	01	01

- Đối với xã, thị trấn:

Đơn vị tính: người

TT	Chức danh	Loại 1 (10 người)	Loại 2 (09 người)	Loại 3 (08 người)
1	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự	01	01	01
2	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)	02	02	02
3	Văn hóa - xã hội	02	02	02
4	Văn phòng - thống kê	02	02	01
5	Tư pháp - hộ tịch	02	01	01
6	Tài chính - kế toán	01	01	01

b) Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã tăng thêm số lượng công chức do tăng quy mô dân số, diện tích tự nhiên so với tiêu chuẩn quy định theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP hoặc không có tổ chức Hội Nông dân, ngoài việc bố trí số lượng công chức theo Điểm a, Khoản 3, Điều này thì UBND cấp huyện quyết định bố trí thêm số lượng công chức cấp xã theo thứ tự chức danh ưu tiên như sau:

- Đối với phường:

TT	Phân loại đơn vị hành chính	Thứ tự chức danh công chức cấp xã ưu tiên bố trí tăng thêm 01 người		
		Ưu tiên thứ 1	Ưu tiên thứ 2	Ưu tiên thứ 3
1	Loại 1	Văn phòng – thống kê	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	Văn hóa – xã hội
2	Loại 2	Tài chính – kế toán	Văn phòng – thống kê	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường
3	Loại 3	Tư pháp – hộ tịch	Tài chính – kế toán	Văn phòng – thống kê

- Đối với xã, thị trấn:

TT	Phân loại đơn vị hành chính	Thứ tự chức danh công chức cấp xã ưu tiên bố trí tăng thêm 01 người		
		Ưu tiên thứ 1	Ưu tiên thứ 2	Ưu tiên thứ 3
1	Loại 1	Tài chính – kế toán	Văn phòng – thống kê	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)
2	Loại 2	Tư pháp – hộ tịch	Tài chính – kế toán	Văn phòng – thống kê
3	Loại 3	Văn phòng – thống kê	Tư pháp – hộ tịch	Tài chính – kế toán

- Trường hợp còn số lượng công chức cấp xã tăng thêm nhưng hết thứ tự ưu tiên thì UBND cấp huyện xem xét, quyết định bố trí số lượng chức danh công chức cấp xã tăng thêm trên cơ sở đề nghị của UBND cấp xã.

Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã

1. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Đối với chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam làm việc tại các xã thuộc địa bàn biên giới thì tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên. Trường hợp luật, quy định của Đảng, điều lệ của tổ chức có quy định khác với quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của luật, điều lệ đó.

Điều 5. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã

1. Tiêu chuẩn của công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 10, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn của công chức Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội như sau:

a) Độ tuổi, trình độ giáo dục phổ thông thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

b) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã. Riêng đối với các xã thuộc địa bàn biên giới thì tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ cao đẳng trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã được đảm nhiệm. Trường hợp luật có quy định khác với quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của luật đó.

Điều 6. Ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã

1. Quy định ngành đào tạo

STT	Chức danh	Ngành đào tạo phù hợp
1	Văn phòng - thống kê	Kinh tế; Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước; Quản lý nhà nước; Xã hội học; Nhân học; Báo chí học; Truyền thông đại chúng; Lưu trữ học; Khoa học quản lý; Chính sách công; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Luật; Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Luật kinh tế; Thống kê; Quản lý hệ thống thông tin; Kinh tế học; Quản lý kinh tế; Công nghệ thông tin.

2	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)	Khoa học môi trường; Kỹ thuật xây dựng; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Khoa học môi trường; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật trắc địa – bản đồ; Kiến trúc; Kiến trúc đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Đô thị học; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Nông nghiệp; Khuyến nông; Nông học.
3	Tài chính - kế toán	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán.
4	Tu pháp - hộ tịch	Luật
5	Văn hóa - xã hội	Quản lý văn hóa; Quản lý nhà nước; Chính trị học; Xã hội học; Nhân học; Báo chí học; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Luật; Luật kinh tế; Công tác xã hội; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản lý thể dục thể thao; Quản lý văn hóa; Công tác xã hội.
6	Chỉ huy trưởng Ban CHQS	Theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự

Trường hợp luật có quy định khác với quy định tại quyết định này thì thực hiện theo quy định của luật đó.

2. Quy định khác

a) Đối với những ngành đào tạo mới phát sinh mà phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã được tuyển dụng nhưng chưa được quy định thì UBND cấp huyện phải thỏa thuận thống nhất bằng văn bản với Sở Nội vụ trước khi tổ chức tuyển dụng theo quy định.

b) Căn cứ ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã theo quy định tại Điều này, UBND tỉnh phân cấp cho UBND cấp huyện quyết định ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã trong từng kỳ tuyển dụng.

Điều 7. Tiêu chuẩn bố trí kiêm nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã

Việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh được kiêm nhiệm.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Phân công trách nhiệm

1. Sở Nội vụ tổ chức hướng dẫn triển khai thực hiện và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

2. UBND cấp huyện căn cứ khung số lượng chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã quyết định bố trí số lượng công chức của từng chức danh công chức cấp xã thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. UBND cấp huyện có trách nhiệm bố trí, sắp xếp và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo hướng dẫn và phân cấp của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị định số 33/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Hết thời hạn này mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời gian chờ UBND cấp huyện quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức ở từng đơn vị hành chính cấp xã năm 2024, UBND cấp xã tiếp tục bố trí số lượng chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh về việc quy định số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Long An và Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 3 Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND.

2. Nhân sự khi ứng cử (bầu bổ sung hoặc nhiệm kỳ mới) vào chức vụ cán bộ cấp xã hoặc tuyển dụng vào chức danh công chức cấp xã phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn của từng chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện quy định có khó khăn vướng mắc, hoặc cần điều chỉnh bổ sung, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để báo cáo đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý kịp thời./.